

Số: 1413 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 03 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật**  
**trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2024**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019 ;*

*Căn cứ Luật Thú y ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;*

*Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 13/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình quốc gia phòng chống bệnh Cúm gia cầm giai đoạn 2019-2025”; Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 07/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình quốc gia phòng chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi giai đoạn 2020-2025”; Quyết định số 1632/QĐ-TTg ngày 22/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình quốc gia phòng chống bệnh Lở mồm long móng, giai đoạn 2021 - 2025”; Quyết định số 1814/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình quốc gia phòng chống bệnh Viêm da nổi cục trâu, bò giai đoạn 2022-2030”; Quyết định số 2151/QĐ-TTg ngày 21/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình quốc gia phòng chống bệnh Đại giai đoạn 2022-2030”;*

*Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 và Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT ngày 12/8/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;*

Căn cứ Nghị quyết số 89/2014/NQ-HĐND ngày 17/9/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về chính sách hỗ trợ công tác phòng dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết 56/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 89/2014/NQ-HĐND ngày 17/9/2014;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tại Tờ trình số 354/TTr-SNN, ngày 22 tháng 7 năm 2023.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2024 (có Kế hoạch chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện Kế hoạch này đảm bảo tiến độ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

### **Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp & PTNT (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Thú y;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, Phú 10b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thành Công**

## KẾ HOẠCH

### Phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 02/8/2023 của UBND tỉnh)

Sáu tháng đầu năm 2023, trên địa bàn tỉnh Sơn La xảy ra các dịch bệnh nguy hiểm trên động vật, cụ thể: Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi xảy ra tại 11 lượt xã, phường của 6 huyện, thành phố (*Thuận Châu, Phù Yên, Mường La, thành phố Sơn La, Bắc Yên, Vân Hồ*), tổng số lợn mắc bệnh, chết, tiêu hủy 440 con, tổng trọng lượng 16.642 kg; Bệnh Lở mồm long móng type O xảy ra tại 02 xã của 02 huyện (*Sốp Cộp, Vân Hồ*), số trâu, bò mắc bệnh 228 con; Bệnh Dại: có 01 trường hợp xét nghiệm đầu chó dương tính với vi rút Dại tại thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu; 01 trường hợp người chết do lên cơn Dại tại xã Phiêng Păn, huyện Mai Sơn (*theo số liệu của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh*), trên địa bàn tỉnh tiềm ẩn nguy cơ phát sinh dịch bệnh Dại. Bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khác và bệnh thủy sản không xảy ra.

Công tác phòng, chống dịch bệnh động vật đã được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, người chăn nuôi ủng hộ tham gia thực hiện. Các ổ dịch bệnh động vật được phát hiện sớm, kịp thời xử lý, bao vây, khống chế, dịch bệnh chỉ xảy ra ở phạm vi nhỏ và nhanh chóng được dập tắt. Hiện nay tất cả các ổ dịch đều đã qua 21 ngày không phát sinh ca bệnh mới. Tuy nhiên, thực tế tại địa bàn tỉnh Sơn La, số lượng đàn gia súc, gia cầm lớn là sinh kế, nguồn thu nhập chính của người dân đặc biệt là người dân vùng sâu, vùng xa, vùng cao, trong khi chăn nuôi nông hộ là chủ yếu, tỷ lệ tiêm phòng so với tổng đàn chưa cao; chưa có cơ sở giết mổ động vật tập trung; hoạt động vận chuyển, buôn bán động vật, sản phẩm động vật ngày càng tăng cao; thời tiết, khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp làm tăng nguy cơ phát sinh dịch bệnh động vật. Năm 2024, dự báo tình hình dịch bệnh động vật (*Dịch tả lợn Châu Phi, Cúm gia cầm, Lở mồm long móng gia súc, Viêm da nổi cục trâu, bò...*) có chiều hướng diễn biến phức tạp.

Để chủ động triển khai thực hiện đồng bộ công tác phòng, chống dịch bệnh động vật theo đúng quy định Luật Thú y và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, ngăn chặn có hiệu quả nguy cơ phát sinh và lây lan các dịch bệnh nguy hiểm ở động vật trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Sơn La ban hành Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh năm 2024, như sau:

## I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

### 1. Mục đích

- Triển khai thực hiện hiệu quả sự chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về công tác phòng, chống dịch bệnh động vật;
- Chủ động triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật có hiệu quả với phương châm phòng bệnh là chính, kết hợp thực hiện đồng bộ biện

pháp quản lý, giám sát dịch bệnh đến tận thôn, xóm, tổ, bản, tiểu khu hộ gia đình; phát hiện sớm, khoanh vùng không chế, xử lý kịp thời, triệt để các dịch bệnh nguy hiểm phát sinh ở động vật; đảm bảo sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản phát triển ổn định, bền vững, bảo vệ, nâng cao sức khỏe nhân dân.

## **2. Yêu cầu**

- Việc tổ chức thực hiện phòng, chống dịch bệnh động vật cần được sự chỉ đạo thống nhất và phối kết hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở, phải huy động được hệ thống chính trị và toàn dân tích cực tham gia thực hiện;

- Các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật tuân theo các quy định của pháp luật về thú y và sự chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh;

- Tổ chức phòng, chống dịch bệnh động vật kịp thời, phù hợp và hiệu quả, tránh gây lãng phí nguồn lực.

## **II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

### **1. Khi chưa có dịch bệnh động vật**

#### **a) Công tác thông tin tuyên truyền, tập huấn**

- Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, các quy định của Nhà nước về công tác phòng, chống dịch bệnh động vật, hướng dẫn kỹ thuật phòng chống dịch bệnh động vật cho người dân thông qua Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, báo Sơn La, hội nghị, hội thảo, tập huấn, tờ rơi;

- Thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình dịch bệnh động vật trên thế giới, trong nước và trong tỉnh để người dân được biết và chủ động phòng, chống;

- Hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm, cơ sở nuôi trồng thủy sản thực hiện các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học; Hướng dẫn xây dựng cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh;

- Tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện việc di dời cơ sở chăn nuôi theo nội dung quy định tại Nghị quyết số 57/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của HĐND tỉnh Sơn La quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên đại bàn tỉnh Sơn La;

- Tập huấn, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho hệ thống thú y cơ sở và lực lượng trực tiếp tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật; tập huấn cho những đối tượng trực tiếp làm công tác kiểm soát giết mổ; các hộ chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản:

+ Tập huấn công tác phòng chống dịch bệnh động vật; kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y, lấy mẫu bệnh phẩm cho đối tượng là viên chức Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thành phố;

+ Tập huấn về công tác phòng, chống dịch bệnh động vật, đối tượng là nhân viên thú y cơ sở, người chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

b) Về giám sát dịch bệnh, quan trắc, cảnh báo môi trường

- Tổ chức giám sát chặt chẽ từng loại dịch bệnh động vật, đến tận cơ sở, hộ chăn nuôi, hộ nuôi trồng thủy sản;

- Củng cố, hoàn thiện hệ thống báo cáo dịch từ tổ, bản đến xã, huyện, tỉnh;

- Giám sát sự lưu hành của mầm bệnh tại các hộ chăn nuôi, hộ nuôi trồng thủy sản, tại các chợ buôn bán gia súc, gia cầm, chợ buôn bán thủy sản hoặc từ những động vật ốm, chết không rõ nguyên nhân trên địa bàn các huyện, thành phố bằng hình thức lấy mẫu xét nghiệm định kỳ và đột xuất;

- Quan trắc, cảnh báo môi trường tại các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, phù hợp với quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản của địa phương, những nơi thường xảy ra dịch bệnh hoặc có nguy cơ ô nhiễm môi trường.

c) Công tác tiêm phòng

- Thời gian tiêm phòng

Tổ chức tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm 2 đợt chính trong năm: đợt 1 vào tháng 3-4, đợt 2 vào tháng 9-10. Ngoài 2 đợt chính, tổ chức tiêm phòng bổ sung cho gia súc, gia cầm mới sinh, mới nhập đàn.

- Đối tượng và loại vắc xin tiêm phòng

+ Đối với trâu, bò tiêm phòng vắc xin Lở mồm long móng; Tụ huyết trùng; Viêm da nổi cục; Ung khí thán và Nhiệt thán (*vắc xin Ung khí thán và vắc xin Nhiệt thán chỉ triển khai tiêm phòng tại những địa phương có ổ dịch cũ*);

+ Đối với lợn tiêm phòng vắc xin Lở mồm long móng; Tụ huyết trùng; Dịch tả lợn; Dịch tả lợn Châu Phi (*khi có khuyến cáo của Bộ Nông nghiệp và PTNT*);

+ Đối với gà, chim cút tiêm phòng vắc xin Cúm gia cầm, Niu cát sơn;

+ Đối với vịt, ngan tiêm phòng vắc xin Cúm gia cầm, Dịch tả vịt;

+ Đối với chó, mèo tiêm phòng vắc xin Đại;

+ Các loại vắc xin không nằm trong chương trình hỗ trợ của Nhà nước, tùy theo nguy cơ, diễn biến tình hình dịch bệnh và tổng đàn gia súc gia cầm, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch tiêm phòng theo hướng xã hội hóa, khuyến khích chủ vật nuôi chủ động mua vắc xin để tiêm phòng.

- Phạm vi tiêm phòng

Tiêm phòng trên địa bàn 12 huyện, thành phố.

- Số lượng và loại vắc xin

+ Số lượng và loại vắc xin theo Chương trình hỗ trợ của tỉnh quy định tại Nghị quyết số 89/2014/NQ-HĐND ngày 17/9/2014, Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND: Số lượng gia súc (*chó, mèo*) và vắc xin Đại (*chi tiết tại Phụ lục I*); Số lượng gia súc, gia cầm và các loại vắc xin (*chi tiết tại Phụ lục II, III*);

+ Số lượng vắc xin các cơ sở chăn nuôi tự tổ chức triển khai thực hiện tiêm phòng: Tổng số khoảng 5.000.000 liều (*gồm các loại vắc xin: Lở mồm long*

*móng, Tụ huyết trùng, Viêm da nổi cục, Dịch tả lợn, Dịch tả lợn Châu Phi, Tai xanh, Giã đại, Suyễn lợn, Niu cát xon, Cúm gia cầm, ...).*

d) Công tác lấy mẫu

- Lấy mẫu giám sát chủ động (*chi tiết tại Mục I, Phụ lục V*):

+ Lấy mẫu giám sát lưu hành bệnh Nhiệt thán, bệnh Cúm gia cầm.

+ Lấy mẫu giám sát định lượng kháng thể sau tiêm phòng vắc xin Lở mồm long móng, vắc xin Đại.

- Lấy mẫu giám sát tại các cơ sở chăn nuôi (*kinh phí lấy mẫu do chủ cơ sở tự chi trả*)

+ Đối với Trung tâm giống thuộc Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu: lấy 61 mẫu kiểm tra kháng thể sau tiêm phòng vắc xin Lở mồm long móng và Tụ huyết trùng;

+ Đối với 09 khu vực chăn nuôi nuôi bò sữa của các hộ dân trên địa bàn huyện Mộc Châu, Vân Hồ: lấy 549 mẫu kiểm tra kháng thể sau tiêm phòng vắc xin Lở mồm long móng;

+ Đối với các cơ sở chăn nuôi lợn: lấy 61 mẫu/01 cơ sở để kiểm tra kháng thể sau tiêm phòng vắc xin Lở mồm long móng và Dịch tả lợn. Tổng số mẫu giám sát là 854 mẫu (*14 cơ sở*). Ngoài ra, định kỳ lấy mẫu để kiểm tra phát hiện vi rút Dịch tả lợn Châu Phi, lưu hành vi rút Lở mồm long móng theo quy định;

+ Đối với cơ sở chăn nuôi gia cầm: lấy 244 mẫu để kiểm tra kháng thể sau tiêm phòng vắc xin Niu cát xon và Cúm gia cầm.

- Phối hợp thực hiện các chương trình lấy mẫu phục vụ công tác nghiên cứu, đánh giá của Cục thú y, Trung tâm Chẩn đoán Thú y trung ương, Chi cục Thú y vùng 1 và các đơn vị khác.

e) Công tác vệ sinh, khử trùng tiêu độc môi trường

- Tổ chức thực hiện tổng vệ sinh, khử trùng tiêu độc môi trường theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT, của Cục Thú y;

- Số lượng hoá chất, diện tích phun vệ sinh, khử trùng tiêu độc môi trường chăn nuôi (*chi tiết tại Phụ lục III*);

- Phạm vi phun vệ sinh, khử trùng tiêu độc: các hộ gia đình chăn nuôi, cơ sở buôn bán, giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm; các chợ mua bán và phương tiện vận chuyển gia súc, gia cầm;

- Lực lượng tham gia phun: do tổ, bản, tiểu khu tổ chức thực hiện dưới sự hướng dẫn, giám sát của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thành phố và chính quyền địa phương;

- Quy trình vệ sinh, khử trùng tiêu độc: theo hướng dẫn của nhà sản xuất;

- Ngoài tháng vệ sinh, khử trùng tiêu độc môi trường chăn nuôi do Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh phát động, các cơ sở chăn nuôi, hộ nuôi trồng thủy sản chủ động hóa chất thường xuyên thực hiện vệ sinh, khử trùng tiêu

độc chuồng trại, môi trường chăn nuôi, ao nuôi thủy sản theo sự hướng dẫn của cơ quan Thú y;

- Tổng hợp nhu cầu các loại vắc xin tiêm phòng và hóa chất phòng, chống dịch bệnh động vật năm 2024 (*chi tiết tại Phụ lục IV*);

f) Kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y

- Tổ chức kiểm dịch đối với động vật và sản phẩm động vật, kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển động vật, sản phẩm động vật ra, vào địa bàn tỉnh theo hướng dẫn tại Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BNNPTNT ngày 16/12/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch động vật thủy sản và các văn bản khác;

- Thực hiện kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật tại các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm nhỏ lẻ, các điểm tập kết buôn bán gia súc, gia cầm và thủy sản theo Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BNNPTNT ngày 05/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y và các văn bản khác;

- Xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển, buôn bán, giết mổ động vật chưa qua kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y theo quy định.

g) Quản lý thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi

- Thực hiện công tác quản lý thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y theo các quy định pháp luật;

- Rà soát, thống kê, lập danh sách quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y trên địa bàn tỉnh;

- Phối hợp kiểm tra, xử lý vi phạm (*nếu có*) và đánh giá phân loại các cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, giống vật nuôi trên địa bàn theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi; Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý thuốc thú y và các văn bản khác;

- Phối hợp với các đơn vị chuyên môn đánh giá, khảo nghiệm, thử nghiệm một số loại thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi (*nếu có*).

h) Xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật

- Tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích các xã, phường, cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật đối với các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như bệnh Đại, Lở mồm long móng, Dịch tả lợn, Niu cát xon, Cúm gia cầm,... theo quy định tại Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật.

- Tổ chức giám sát dịch bệnh, thẩm định, kiểm tra, đánh giá và công nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh khi đủ điều kiện theo quy định; công bố danh sách vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh được cấp, cấp lại Giấy chứng nhận, danh sách cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực theo quy định.

## **2. Khi xuất hiện dịch bệnh động vật**

Thực hiện khẩn trương, đồng bộ các biện pháp bao vây, khống chế, dập dịch theo quy định hiện hành:

a) Đối với ổ dịch động vật thủy sản xử lý theo quy định tại Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

- Thu hoạch thủy sản mắc bệnh: Thực hiện thu hoạch đối với thủy sản đạt kích cỡ thương phẩm, có thể sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi hoặc các mục đích khác (*trừ thủy sản làm giống hoặc thức ăn tươi sống cho thủy sản khác*). Chủ cơ sở nuôi thu hoạch thủy sản trong ổ dịch phải thực hiện theo đúng hướng dẫn, chịu sự giám sát của cơ quan thú y đảm bảo an toàn dịch bệnh trong quá trình thu hoạch, vận chuyển đến cơ sở sơ chế, chế biến thủy sản nhiễm bệnh;

- Điều trị thủy sản mắc bệnh: Thực hiện điều trị đối với thủy sản mắc bệnh được Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản xác định có thể điều trị và chủ cơ sở nuôi có nhu cầu điều trị thủy sản mắc bệnh;

- Tiêu hủy thủy sản mắc bệnh: Thực hiện tiêu hủy đối với thủy sản mắc bệnh chưa đạt kích cỡ thương phẩm, thủy sản giống hoặc thức ăn tươi sống cho thủy sản khác bằng các loại hóa chất trong danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam;

- Khử trùng sau thu hoạch, tiêu hủy đối với ổ dịch: Thực hiện khử trùng nước trong bể, ao, vùng nuôi; khử trùng công cụ, dụng cụ, lồng nuôi, lưới; xử lý nền đáy, diệt giáp xác và các vật chủ trung gian truyền bệnh bằng hoá chất sau khi thu hoạch hoặc tiêu hủy thủy sản, đảm bảo không còn mầm bệnh, dư lượng hóa chất và đảm bảo vệ sinh môi trường. Nước trong ao, đầm nuôi nhiễm bệnh phải được tiêu độc, khử trùng bằng hóa chất.

- Lấy mẫu chẩn đoán bệnh khi có dịch bệnh hoặc nghi ngờ dịch bệnh thủy sản xảy ra: số lượng lấy mẫu dự kiến 24 mẫu (*chi tiết tại Mục II, Phụ lục V*).

b) Đối với ổ dịch động vật trên cạn xử lý theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BNNPTNT ngày 16/11/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và các văn bản chỉ đạo khác, cụ thể:

- Tổ chức khoanh vùng dịch, xử lý, tiêu hủy gia súc, gia cầm bệnh, nghi mắc bệnh theo quy định;

- Vệ sinh, khử trùng tiêu độc chuồng trại, môi trường chăn nuôi theo hướng dẫn của cơ quan Thú y. Tổ chức tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm ở vùng dịch, vùng bị dịch uy hiếp và vùng đệm theo hướng dẫn của cơ quan thú y;

- Lập các chốt để kiểm soát việc lưu thông vận chuyển động vật, sản phẩm động vật ra, vào ổ dịch nhằm ngăn chặn dịch lây lan;

- Quản lý chặt chẽ đàn vật nuôi trong vùng dịch; nghiêm cấm việc bán chạy, giết mổ hoặc vút xác động vật mắc bệnh ra ngoài môi trường;



- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, giám sát dịch bệnh; hướng dẫn người chăn nuôi kiểm tra, phát hiện và chủ động khai báo khi có dịch để được hỗ trợ xử lý kịp thời.

- Lấy mẫu chẩn đoán bệnh khi có dịch bệnh hoặc nghi ngờ dịch bệnh gia súc, gia cầm xảy ra: Dự kiến lấy 440 mẫu tại 12 huyện, thành phố bao gồm các bệnh Lở mồm long móng 36 mẫu, Nhiệt thán 24 mẫu, Tụ huyết trùng trâu, bò 24 mẫu, Viêm da nổi cục 36 mẫu, Dịch tả lợn 36 mẫu, Tai xanh 24 mẫu, Cúm gia cầm 36 mẫu, Niu cát xơn 24 mẫu, Đại chó 24 mẫu, bệnh Dịch tả lợn Châu Phi lấy 200 mẫu (*chi tiết tại Mục II, Phụ lục V*).

### **III. KINH PHÍ TRIỂN KHAI**

#### **1. Tiêm phòng vắc xin**

a) Đối với các loại vắc xin hỗ trợ theo Nghị quyết số 89/2014/NQ-HĐND ngày 17/9/2014, Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về hỗ trợ công tác phòng dịch gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh: tiền vắc xin (*Lở mồm long móng trâu, bò; Tụ huyết trùng trâu, bò; Ung khí thán trâu, bò; Nhiệt thán; Dịch tả lợn; Đại chó, mèo; Niu cát xơn gà*) và chi phí triển khai (*tiền công tiêm phòng, vật tư, đá bảo quản, tuyên truyền, cước vận chuyển...*) do ngân sách tỉnh cấp;

Riêng đối với vắc xin Đại chó: các xã khu vực III, ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% tiền vắc xin và tiền công tiêm phòng; các xã thuộc khu vực II, ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% tiền vắc xin và tiền công tiêm phòng; các xã thuộc khu vực I, ngân sách tỉnh hỗ trợ 30% tiền vắc xin và tiền công tiêm phòng; các phường thuộc thành phố và thị trấn thuộc huyện do chủ vật nuôi tự chi trả.

b) Đối với vắc xin không nằm trong chương trình được hỗ trợ của Nhà nước thực hiện theo hình thức xã hội hóa (*người chăn nuôi thanh toán tiền vắc xin và chi phí tiêm phòng*).

c) Đối với vắc xin phòng, chống dịch khi có dịch bệnh động vật xảy ra: do ngân sách huyện cấp, trường hợp ngân sách huyện không đảm bảo thì UBND cấp huyện trình tỉnh cấp.

#### **2. Lấy mẫu giám sát sau tiêm phòng và giám sát lưu hành dịch bệnh; Lấy mẫu để chẩn đoán bệnh động vật**

a) Lấy mẫu giám sát sau tiêm phòng và giám sát lưu hành dịch bệnh

- Đối với chương trình tiêm phòng theo Nghị quyết số 89/2014/NQ-HĐND, Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017: do ngân sách tỉnh cấp;

- Lấy mẫu giám sát tại các cơ sở chăn nuôi: chủ cơ sở chăn nuôi tự chi trả.

b) Lấy mẫu để chẩn đoán bệnh khi có các ổ dịch nguy hiểm gia súc, gia cầm, thủy sản xảy ra: do ngân sách tỉnh, huyện cấp.

#### **3. Công tác vệ sinh tiêu độc khử trùng**

- Công tác vệ sinh, khử trùng tiêu độc tháng hành động theo phát động của Bộ Nông nghiệp và PTNT và của tỉnh: tiền hoá chất, chi phí triển khai (*tiền*

*công phun khử trùng tiêu độc, cuộc vận chuyển và các khoản chi phí khác có liên quan) do ngân sách tỉnh cấp;*

- Phun khử trùng tiêu độc chống dịch khi có dịch bệnh động vật xảy ra: do ngân sách huyện cấp, trường hợp ngân sách huyện không đảm bảo thì UBND cấp huyện trình tỉnh cấp.

- Phun khử trùng tiêu độc tại cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, cơ sở ấp trứng gia cầm: chủ cơ sở chủ động kinh phí và tổ chức thực hiện.

#### **4. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí phòng chống dịch bệnh động vật năm 2024, phần Ngân sách hỗ trợ tổng số là: 56.568.920 nghìn đồng, trong đó:

- Kinh phí thực hiện Chương trình Nghị quyết 89/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết 546/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La: 52.571.047 nghìn đồng;

- Kinh phí thực hiện Chương trình phòng, chống Dịch tả lợn Châu Phi, bệnh Viêm da nổi cục trên trâu, bò: 3.093.900 nghìn đồng;

- Chi phí lấy mẫu phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh động vật: 693.973 nghìn đồng;

- Chi phí xây dựng vùng an toàn dịch bệnh động vật: 210.000 nghìn đồng.

*(chi tiết tại Phụ lục VI).*

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. UBND các huyện, thành phố**

- Chỉ đạo thông tin, tuyên truyền trên hệ thống phát thanh, truyền hình của địa phương để nâng cao nhận thức của người dân về công tác phòng, chống dịch bệnh động vật và tích cực hưởng ứng tham gia;

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với UBND các xã, phường, thị trấn tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện việc di dời cơ sở chăn nuôi theo nội dung quy định tại Nghị quyết số 57/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của HĐND tỉnh Sơn La quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn phối hợp với Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thành phố triển khai công tác phòng, chống dịch bệnh động vật; kiểm tra việc triển khai thực hiện kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật theo kế hoạch đã được phê duyệt;

- Chủ động lực lượng, nguồn kinh phí kịp thời phục vụ cho công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn;

- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh nếu để dịch bệnh gia súc, gia cầm lây lan ra diện rộng do chủ quan, lơ là, thiếu sự phối hợp trong công tác phòng, chống dịch và chậm tiến độ trong việc triển khai công tác phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn quản lý.

## 2. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo hiệu quả, đúng quy định;

- Năm 2024, trên cơ sở chỉ đạo của Trung ương và căn cứ Kế hoạch này xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện tiêm phòng vắc xin và phun khử trùng tiêu độc môi trường tháng hành động;

- Chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành liên quan, kiểm tra việc tổ chức thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản ở các huyện, thành phố. Theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT;

- Phối hợp Sở Y tế trong việc hướng dẫn các địa phương giám sát và phòng chống các bệnh động vật lây sang người theo Thông tư liên tịch số 16/2013/TTLT-BYT-BNNPTNT ngày 27/5/2013 của liên Bộ Y tế và Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn phối hợp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật sang người;

- Chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản:

+ Phối hợp với các cơ quan truyền thông, tuyên truyền về công tác phòng chống dịch bệnh thông tin kịp thời, chính xác về tình hình dịch bệnh và các biện pháp phòng, chống dịch; các biện pháp chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh. Tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phòng, chống dịch bệnh hằng năm;

+ Phối hợp với UBND các huyện, thành phố hướng dẫn thực hiện việc di dời cơ sở chăn nuôi theo nội dung quy định tại Nghị quyết số 57/2023/NQ-HĐND ngày 18/4/2023 của HĐND tỉnh Sơn La quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Sơn La.

+ Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm soát chặt chẽ hoạt động kinh doanh, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật nhập vào địa bàn tỉnh (*đặc biệt là kiểm tra đối với động vật làm giống của các chương trình, dự án trên địa bàn*); Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện tốt công tác kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ sinh thú y đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trước khi cho phép lưu hành trên thị trường; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm;

+ Chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện, thành phố, phối hợp với UBND các xã, phường, thị trấn tăng cường kiểm tra, phát hiện sớm các ổ dịch nhằm kịp thời bao vây, không chế không để dịch lây lan; thực hiện giám sát dịch bệnh động vật đến tận tổ, bản, tiểu khu, hộ chăn nuôi, hộ nuôi trồng thủy sản; phun tiêu độc, khử trùng môi trường chăn nuôi; tổ chức tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm và cấp giấy chứng nhận tiêm phòng theo quy định;

+ Thực hiện cung ứng đầy đủ, kịp thời các loại vắc xin, hóa chất và vật tư thú y thuộc các chương trình theo kế hoạch được giao để phòng, chống dịch

bệnh động vật; hướng dẫn kiểm tra việc tuân thủ quy trình, kỹ thuật trong quá trình thực hiện phòng, chống dịch, định kỳ báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT.

+ Phối hợp với UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện xây dựng vùng an toàn dịch bệnh động vật theo nội dung kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 15/6/2023.

### **3. Sở Tài chính**

Tham mưu cho UBND tỉnh nguồn kinh phí để kịp thời phục vụ cho công tác phòng, chống dịch bệnh động vật theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí phục vụ công tác phòng, chống dịch theo quy định.

### **4. Sở Y tế**

- Giám sát, phát hiện, chia sẻ thông tin, tuyên truyền, phối hợp phòng, chống dịch bệnh lây từ động vật sang người;

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật sang người theo quy định tại Thông tư số 16/2013/TTLT-BYT-BNNPTNT ngày 27/5/2013 của liên Bộ Y tế - Bộ Nông nghiệp và PTNT.

### **5. Sở Thông tin và Truyền thông**

Chỉ đạo tổ chức thông tin, tuyên truyền đầy đủ, chính xác, kịp thời về tình hình dịch bệnh động vật và công tác phòng, chống dịch bệnh động vật; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp chính quyền và người dân về công tác phòng chống dịch bệnh động vật.

### **6. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện giám sát và xử lý môi trường tại các khu vực chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, khu vực chôn lấp hủy động vật mắc bệnh chết theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm các trường hợp gây ô nhiễm môi trường.

### **7. Công an tỉnh**

Chỉ đạo Phòng Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát môi trường, Công an các huyện, thành phố phối hợp với cơ quan chuyên môn kiểm soát chặt chẽ động vật và sản phẩm động vật nhập vào, địa bàn tỉnh, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

### **8. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh**

- Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng trên địa bàn biên giới, cửa khẩu tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật các vụ việc nhập lậu động vật, sản phẩm động vật;

- Phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức tuyên truyền cho nhân dân khu vực biên giới về tác hại của việc vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu trái phép để người dân hiểu, không tham gia, tiếp tay cho buôn lậu;

- Chỉ đạo lực lượng hỗ trợ việc tiêu hủy khi có số lượng lớn động vật, sản phẩm động vật buộc phải tiêu hủy để ngăn chặn dịch bệnh lây lan.

### **9. Cục Quản lý thị trường**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tăng cường kiểm tra, kiểm soát vận chuyển động vật, sản phẩm động vật lưu thông trên địa bàn đặc biệt là nhập từ tỉnh ngoài vào; xử lý vi phạm trong việc buôn bán, vận chuyển động vật và sản phẩm động vật theo quy định.

Yêu cầu các Sở, ngành, Chủ tịch UBND huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch này và thường xuyên báo cáo về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo./.



**Phụ lục I:**

**SỐ LƯỢNG GIA SÚC (CHÓ, MÈO) VÀ VẮC XIN ĐẠI NĂM 2024**

Chương trình Nghị quyết 89/2014/NQ-HĐND ngày 17/9/2014 và Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh Sơn La

TT	Tên huyện	Tổng số			Các xã vùng III (NST hỗ trợ 100% vắc xin và công tiêm)			Các xã vùng II (NST hỗ trợ 50% vắc xin và công tiêm)			Các xã vùng I (NST hỗ trợ 30% vắc xin và công tiêm)			Các phường, thị trấn (không áp dụng NQ 89/2014/NQ-HĐND)		
		Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)
1	Thuận Châu	25.128	16.750	16.750	19.676	12.950	12.950	1.720	1.150	1.150	3.288	2.400	2.400	444	250	250
2	Quỳnh Nhai	4.989	4.989	4.989	1.727	1.727	1.727	1.316	1.316	1.316	1.946	1.946	1.946			
3	Thành phố	5.718	4.376	4.376							3.175	2.318	2.318	2.543	2.058	2.058
4	Mường La	15.471	12.240	12.240	11.442	8.470	8.470				2.969	2.800	2.800	1.060	970	970
5	Mai Sơn	24.001	21.601	21.601	7.651	6.886	6.886	2.401	2.161	2.161	12.533	11.280	11.280	1.416	1.274	1.274
6	Yên Châu	13.350	13.350	13.350	11.430	11.430	11.430				1.520	1.520	1.520	400	400	400
7	Mộc Châu	20.369	20.369	20.369	2.668	2.668	2.668	1.679	1.679	1.679	10.370	10.370	10.370	5.652	5.652	5.652
8	Vân Hồ	7.869	6.130	6.130	6.398	5.000	5.000				1.471	1.130	1.130			
9	Bắc Yên	8.178	6.480	6.480	6.320	5.010	5.010				1.273	1.010	1.010	585	460	460
10	Phù Yên	17.102	13.682	13.682	8.587	6.870	6.870	276	221	221	7.689	6.151	6.151	550	440	440
11	Sông Mã	26.980	23.750	23.750	22.219	19.650	19.650				4.511	3.900	3.900	250	200	200
12	Sốp Cộp	6.390	6.390	6.390	4.681	4.681	4.681				1.709	1.709	1.709			
	<b>Tổng cộng</b>	<b>175.545</b>	<b>150.107</b>	<b>150.107</b>	<b>102.799</b>	<b>85.342</b>	<b>85.342</b>	<b>7.392</b>	<b>6.527</b>	<b>6.527</b>	<b>52.454</b>	<b>46.534</b>	<b>46.534</b>	<b>12.900</b>	<b>11.704</b>	<b>11.704</b>



**Phụ lục II:**

**SỐ LƯỢNG GIA SÚC VÀ VẮC XIN TIÊM PHÒNG NĂM 2024**

**Chương trình Nghị quyết 89/2014/NQ-HĐND ngày 17/9/2014 và Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh Sơn La**

TT	Tên huyện	Số lượng trâu, bò và vắc xin LMLM type O			Số lượng trâu, bò và vắc xin Tụ huyết trùng			Số lượng trâu, bò và vắc xin Nhiệt thán			Số lượng trâu, bò và vắc xin Ung khí thán			Số lượng lợn và vắc xin Dịch tả lợn		
		Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)
1	Thuận Châu	63.812	54.250	108.500	63.812	54.250	108.500	1.568	1.200	1.200				48.696	12.100	24.200
2	Quỳnh Nhai	35.037	32.000	64.000	35.037	32.000	64.000							14.135	6.800	13.600
3	Thành Phố	7.629	5.000	10.000	7.629	5.000	10.000							18.426	1.390	2.780
4	Mường La	40.858	35.750	71.500	40.858	35.750	71.500							50.911	14.240	28.480
5	Mai Sơn	44.660	36.500	73.000	44.660	36.500	73.000				9.208	4.650	9.300	60.711	11.250	22.500
6	Yên Châu	30.917	26.439	52.878	30.917	26.439	52.878							48.641	3.630	7.260
7	Mộc Châu	49.562	49.562	99.124	49.562	49.562	99.124							47.860	8.979	17.958
8	Vân Hồ	37.711	33.650	67.300	37.711	33.650	67.300				22.213	19.800	39.600	7.821	6.930	13.860
9	Bắc Yên	40.360	32.650	65.300	40.360	32.650	65.300							17.088	2.310	4.620
10	Phù Yên	48.494	43.645	87.290	48.494	43.645	87.290							37.930	4.243	8.486
11	Sông Mã	67.210	55.000	110.000	67.210	55.000	110.000				40.160	27.000	54.000	92.060	12.230	24.460
12	Sốp Cộp	28.808	28.725	57.450	28.808	28.725	57.450				28.808	28.725	57.450	15.890	4.220	8.440
	<b>Tổng cộng</b>	<b>495.058</b>	<b>433.171</b>	<b>866.342</b>	<b>495.058</b>	<b>433.171</b>	<b>866.342</b>	<b>1.568</b>	<b>1.200</b>	<b>1.200</b>	<b>100.389</b>	<b>80.175</b>	<b>160.350</b>	<b>460.169</b>	<b>88.322</b>	<b>176.644</b>



**Phụ lục III:**

**SỐ LƯỢNG GÀ VÀ VẮC XIN NIU CÁT XON; HÓA CHẤT PHUN TIÊU ĐỘC KHỬ TRÙNG MÔI TRƯỜNG CHĂN NUÔI NĂM 2024**  
Chương trình Nghị quyết 89/2014/NQ-HĐND ngày 17/9/2014 và Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh Sơn La

TT	Tên huyện, thành phố	Số lượng gà và vắc xin Niu cát xon			Diện tích và hóa chất phun tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi		Ghi chú
		Tổng đàn (con)	Diện tích (con)	Vắc xin (liều)	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hóa chất (lít)	
1	Thuận Châu	513.718	386.000	772.000	10.000.000	5.000	
2	Quỳnh Nhai	254.666	100.000	200.000	3.640.000	1.820	
4	Thành phố Sơn La	183.850	104.000	208.000	3.736.000	1.868	
3	Mường La	363.853	271.740	543.480	5.570.000	2.785	
5	Mai Sơn	1.160.586	505.000	1.010.000	10.000.000	5.000	
6	Yên Châu	301.741	241.393	482.786	6.980.000	3.490	
7	Mộc Châu	543.600	210.240	420.480	10.000.000	5.000	
8	Vân Hồ	341.499	202.900	405.800	9.120.000	4.560	
9	Bắc Yên	218.985	163.000	163.000	3.010.000	1.505	
10	Phù Yên	537.000	429.600	859.200	4.736.000	2.368	
11	Sông Mã	895.560	140.000	280.000	6.400.000	3.200	
12	Sốp Cộp	467.083	90.000	180.000	4.000.000	2.000	
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>5.782.141</b>	<b>2.843.873</b>	<b>5.524.746</b>	<b>77.192.000</b>	<b>38.596</b>	



**Phụ lục IV:**

**TỔNG HỢP NHU CẦU VẮC XIN TIÊM PHÒNG, HÓA CHẤT PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT NĂM 2024**

**Triển khai thực hiện Nghị quyết 89/2014/NQ-HĐND ngày 17/9/2014 và Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh Sơn La**

TT	Tên huyện	Vắc xin LMLM trâu, bò			Vắc xin THT trâu, bò			Vắc xin Nhiệt thán trâu, bò			Vắc xin Ung khí thán trâu, bò			Vắc xin Dịch tả lợn			Vắc xin Đại			Vắc xin Niu cát sơn gà			Hóa chất phun khử trùng tiêu độc (lít)
		Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	
1	Thuận Châu	63.812	54.250	108.500	63.812	54.250	108.500	1.568	1.200	1.200				48.696	12.100	24.200	25.128	16.750	16.750	513.718	386.000	772.000	5.000
2	Quỳnh Nhai	35.037	32.000	64.000	35.037	32.000	64.000							14.135	6.800	13.600	4.989	4.989	4.989	254.666	100.000	200.000	1.820
3	Thành Phố	7.629	5.000	10.000	7.629	5.000	10.000							18.426	1.390	2.780	5.718	4.376	4.376	183.850	104.000	208.000	1.868
4	Mường La	40.858	35.750	71.500	40.858	35.750	71.500							50.911	14.240	28.480	15.471	12.240	12.240	363.853	271.740	543.480	2.785
5	Mai Sơn	44.660	36.500	73.000	44.660	36.500	73.000				9.208	4.650	9.300	60.711	11.250	22.500	24.001	21.601	21.601	1.160.586	505.000	1.010.000	5.000
6	Yên Châu	30.917	26.439	52.878	30.917	26.439	52.878							48.641	3.630	7.260	13.350	13.350	13.350	301.741	241.393	482.786	3.490
7	Mộc Châu	49.562	49.562	99.124	49.562	49.562	99.124							47.860	8.979	17.958	20.369	20.369	20.369	543.600	210.240	420.480	5.000
8	Vân Hồ	37.711	33.650	67.300	37.711	33.650	67.300				22.213	19.800	39.600	7.821	6.930	13.860	7.869	6.130	6.130	341.499	202.900	405.800	4.560
9	Bắc Yên	40.360	32.650	65.300	40.360	32.650	65.300							17.088	2.310	4.620	8.178	6.480	6.480	218.985	163.000	163.000	1.505
10	Phù Yên	48.494	43.645	87.290	48.494	43.645	87.290							37.930	4.243	8.486	17.102	13.682	13.682	537.000	429.600	859.200	2.368
11	Sông Mã	67.210	55.000	110.000	67.210	55.000	110.000				40.160	27.000	54.000	92.060	12.230	24.460	26.980	23.750	23.750	895.560	140.000	280.000	3.200
12	Sốp Cộp	28.808	28.725	57.450	28.808	28.725	57.450				28.808	28.725	57.450	15.890	4.220	8.440	6.390	6.390	6.390	467.083	90.000	180.000	2.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>495.058</b>	<b>433.171</b>	<b>866.342</b>	<b>495.058</b>	<b>433.171</b>	<b>866.342</b>	<b>1.568</b>	<b>1.200</b>	<b>1.200</b>	<b>100.389</b>	<b>80.175</b>	<b>160.350</b>	<b>460.169</b>	<b>88.322</b>	<b>176.644</b>	<b>175.545</b>	<b>150.107</b>	<b>150.107</b>	<b>5.782.141</b>	<b>2.843.873</b>	<b>5.524.746</b>	<b>38.596</b>



**Phụ lục V:**

**SỐ LƯỢNG MẪU XÉT NGHIỆM PHỤC VỤ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT NĂM 2024**

STT	Loại mẫu	Địa điểm lấy mẫu	Số lượng mẫu	Ghi chú
<b>I</b>	<b>GIÁM SÁT CHỦ ĐỘNG</b>		<b>630</b>	
<b>1</b>	<b>Giám sát lưu hành</b>		<b>203</b>	
-	Bệnh Lở mồm long móng (có định type)	Các huyện, thành phố	29	
-	Bệnh Viêm da nổi cục trâu, bò	Các huyện, thành phố	29	
-	Bệnh Nhiệt thán	02 huyện, thành phố	58	
-	Bệnh Cúm gia cầm (có định type)	05 huyện, thành phố	87	Mẫu gộp
<b>2</b>	<b>Định lượng kháng thể sau tiêm phòng vắc xin</b>		<b>427</b>	
-	Định lượng kháng thể sau TP vắc xin LMLM	05 huyện, thành phố	305	
-	Định lượng kháng thể sau TP vắc xin Đại	2 huyện, thành phố	122	
<b>II</b>	<b>GIÁM SÁT BỊ ĐỘNG</b>		<b>464</b>	
1	Bệnh Lở mồm long móng (có định type)	12 huyện, thành phố	36	
2	Bệnh Nhiệt thán	12 huyện, thành phố	24	
3	Bệnh THT trâu, bò	12 huyện, thành phố	24	
4	Bệnh Viêm da nổi cục trâu, bò	12 huyện, thành phố	24	
5	Bệnh Dịch tả lợn	12 huyện, thành phố	24	
6	Bệnh Tai xanh	12 huyện, thành phố	24	
7	Bệnh Cúm gia cầm (có định type)	12 huyện, thành phố	36	
8	Bệnh Niu cát sơn	12 huyện, thành phố	24	
9	Bệnh Đại	12 huyện, thành phố	24	
10	Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi	12 huyện, thành phố	200	Do nguy cơ dịch xảy ra trên diện rộng nên cần dự kiến số lượng mẫu nhiều.
11	Bệnh Thủy sản	12 huyện, thành phố	24	
<b>Tổng số:</b>			<b>1.094</b>	



**Phụ lục VI:**

**TỔNG HỢP KINH PHÍ PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT NĂM 2024**

STT	Nội dung chương trình	TỔNG CỘNG			TRONG ĐÓ CHI TIẾT KINH PHÍ TRIỂN KHAI (Đơn vị tính: 1.000đ)								
		Cộng	Trong đó		Tổng cộng	Kinh phí mua vắc xin, hóa chất		Tiền công tiêm phòng, phun khử trùng tiêu độc (Ngân sách tỉnh)	Các chi phí triển khai				
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Tổng cộng	Ngân sách Trung ương		Ngân sách tỉnh	Tổng cộng	Trong đó		
											Chi khác (chi phí bảo quản, vận chuyển, chi phí triển khai...)	Chi phí TĐG, lập hồ sơ, thẩm định hồ sơ đấu thầu	Chi phí lấy mẫu xét nghiệm phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh động vật
1	2	3=4+5	4	5=6+9+10	6=7+8	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	
	<b>TỔNG CỘNG=1+2+3+4</b>	<b>56.568.920</b>		<b>56.568.920</b>	<b>38.163.395</b>		<b>38.163.395</b>	<b>16.117.035</b>	<b>2.288.490</b>	<b>1.183.990</b>	<b>306.705</b>	<b>797.795</b>	
1	Chương trình Nghị quyết 89/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết 56/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Sơn La	52.571.047		52.571.047	36.663.050		36.663.050	15.251.035	656.962	381.223	275.739		
1.1	Tiêm phòng Đại chó	2.342.427		2.342.427	1.766.174		1.766.174	543.596	32.657	16.155	16.502		
1.2	Tiêm phòng cho gia súc, gia cầm và phun khử trùng tiêu độc	50.228.620		50.228.620	34.896.876		34.896.876	14.707.439	624.305	365.068	259.237		
2	Chương trình phòng, chống Dịch tả lợn Châu Phi, bệnh Viêm da nổi cục trên trâu, bò	3.093.900		3.093.900	1.500.345		1.500.345	866.000	727.555	696.589	30.966		
3	Kinh phí lấy mẫu phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh động vật năm 2024	693.973		693.973					693.973			693.973	
4	Xây dựng vùng An toàn dịch bệnh động vật	210.000		210.000					210.000	106.178		103.822	

**Ghi chú:**

Đơn giá vắc xin, hóa chất được tính trên cơ sở giá tại thời điểm xây dựng Kế hoạch.